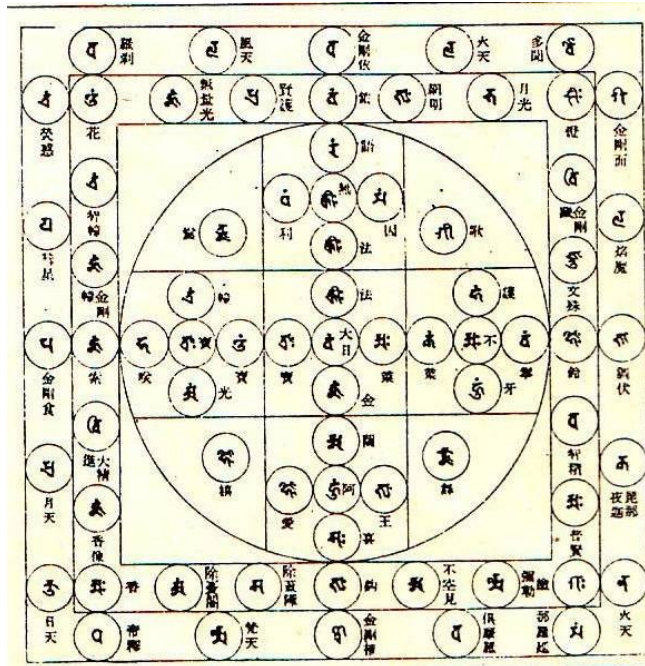


VI TẾ HỘI (Sùkṣma)

Vi Tế Hội là Hội thứ ba trong 9 Hội của Hiện Đồ Kim Cương Giới Man Đa La, có vị trí ở góc bên phải của Hiện Đồ Man Đa La, tức là phương Đông Nam. Trong 4 loại Man Đa La là **Pháp Man Đa La** (Dharma-maṇḍala) tức các Tôn cùng nhập vào thân Tam Muội Gia của các chữ, dùng hiển nghĩa một Tôn có đầy đủ Đức của các Tôn, cho nên Man Đa La này biểu thị cho các Tôn có đầy đủ 5 Trí, Vô Tế Trí, Trí Dụng của trùng trùng vi tế, cộng chung là 73 Tôn. Trong đó có 53 Tôn trong Hội này an trú trong chày Kim Cương Tam Cổ đều trì Định Ấn, biểu thị cho *Trí Tuệ vi diệu* của chư Phật được dùng để giác ngộ hữu tình.





Chính giữa Hội là Vòng Kim Cương lớn gồm năm vòng Giải Thoát đại diện cho năm vị trí của 5 vị Phật là **Đại Nhật** (Vairocana), **A Súc Phật** (Akṣobhya), **Bảo Sinh Phật** Ratna-saṃbhava), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus), **Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi) được được bao bởi ba hình vuông và giới hạn trong hình vuông thứ nhất.

_ Vòng tròn chính giữa là vị trí của **Đại Nhật Như Lai** (𑖀𑖃𑖫𑖞)

Chung quanh là bốn vị Ba La Mật Bồ Tát (Pàramità-bodhisatva) gồm có:

Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát (Vajra- Pàramità-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

Bảo Ba La Mật Bồ Tát (Ratna- Pàramità-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

Pháp Ba La Mật Bồ Tát (Dharma- Pàramità-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát (Karma_ Pàramità-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Đông là vị thế của **A Súc Như Lai** (𑖀𑖃𑖫𑖞)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:

Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

Kim Cương Vương (Vajra-ràja) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

Kim Cương Ái (Vajra-ràga) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

Kim Cương Hỷ (Vajra-sàdhu) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Nam là vị thế của **Bảo Sinh Như Lai** (𑖀𑖃𑖫𑖞)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:

Kim Cương Bảo (Vajra-ratna) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

Kim Cương Quang (Vajra-Teja) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

Kim Cương Tràng (Vajra-ketu) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

Kim Cương Tiểu (Vajra-hàsa) (𑖀𑖃𑖫𑖞𑖔𑖪𑖩𑖞)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Tây là vị thế của **Vô Lượng Thọ Như Lai** (𑖀𑖃𑖫𑖞)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:

Kim Cương Pháp (Vajra-dharma) (𑖀𑖔)

Kim Cương Lợi (Vajra-tiṣṇa) (𑖀𑖓)

Kim Cương Nhân (Vajra-hetu) (𑖀𑖓)

Kim Cương Ngũ (Vajra-bhàsa) (𑖀𑖓)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Bắc là vị thế của **Bát Không Thành Tựu Như**

Lai (𑖀𑖓)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:

Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma) (𑖀𑖓)

Kim Cương Hộ (Vajra-rakṣa) (𑖀𑖓)

Kim Cương Được Xoa (Vajra-yakṣa) (𑖀𑖓)

Kim Cương Quyền (Vajra-samḍhi) (𑖀𑖓)

Giữa bốn vòng Giải Thoát là bốn vị Kim Cương Nữ (Vajrì) là:

Kim Cương Hý (Vajra-làsi) (𑖀𑖓)

Kim Cương Man (Vajra-màlà) (𑖀𑖓)

Kim Cương Ca (Vajra-gità) (𑖀𑖓)

Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtye) (𑖀𑖓).

_ Trong hình vuông thứ hai gồm có 4 Ngoại Cúng Dường, 4 Nhiếp, 16 Bồ Tát đời Hiền Kiếp

Ở bốn góc của hình vuông có 4 vị Kim Cương Nữ là:

Kim Cương Phần Hương (Vajra-dhùpa) (𑖀𑖓)

Kim Cương Hoa (Vajra-puṣpa) (𑖀𑖓)

Kim Cương Đẳng (Vajra-Àloka) (𑖀𑖓)

Kim Cương Đồ Hương (Vajra-gandha) (𑖀𑖓)

Giữa 4 vị Nữ Cúng Dường là :

.) Phương Đông có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

Trừ Ưu Âm Bồ Tát (𑖀𑖓)

Trừ Cái Chướng Bồ Tát (𑖀𑖓)

Kim Cương Câu (Vajra-amku'sa) (𑖀𑖓)

Bát Không Kiến Bồ Tát (𑖀𑖓)

Di Lạc Bồ Tát (𑖀𑖓)

.) Phương Nam có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

Trí Tràng Bồ Tát (𑖀𑖓)

Kim Cương Tràng Bồ Tát (𑖀𑖓)

Kim Cương Sách (Vajra-pà'sa) (𑖀𑖓)

Đại Tinh Tiến Bồ Tát (𑖀𑖓)

Hương Tượng Bồ Tát (𑖀𑖓)

.) Phương Tây có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

Vô Lượng Quang Bồ Tát (𑖀𑖓)

Hiền Hộ Bồ Tát (𑖦)

Kim Cương Tỏa (Vajra-sphota) (𑖧)

Võng Minh Bồ Tát (𑖨)

Nguyệt Quang Bồ Tát (𑖩)

.) Phương Bắc có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

Kim Cương Tạng Bồ Tát (𑖪)

Văn Thù (𑖫) (?Vô Tận Ý Bồ Tát)

Kim Cương Linh (Vajra-ve'sa) (𑖬)

Trí Tích Bồ Tát (𑖭) (?Văn Thù Bồ Tát)

Phổ Hiền Bồ Tát (𑖮)

_ Trong hình vuông thứ ba là 20 vị Hộ Pháp (Dharma-pàla) được xếp loại trong 5 cõi Trời tại bốn phương như sau:

5 cõi Trời ở Phương Đông (từ trái qua phải)

Đế Thích ('Sakra) (𑖯)

Phạm Thiên (Brahma) (𑖰)

Kim Cương Tồi (Vajra-vikiraṇa) (𑖱)

Câu Ma La (Kumàra) (𑖲)

Na La Diên (Nàràyaṇa) (𑖳)

5 cõi Trời ở phương Nam (từ trên xuống dưới)

Huỳnh Hoặc (Piṅgala) (𑖴)

Tuệ Tinh (Ketu) (𑖵)

Kim Cương Thực (Vajra-bhakṣam) (𑖶)

Nguyệt Thiên (Candra) (𑖷)

Nhật Thiên (Àditya) (𑖸)

5 cõi Trời ở phương Tây (từ trái qua phải)

La Sát (Ràksasa) (𑖹)

Phong Thiên (Vàyu) (𑖺)

Kim Cương Y (Vajra-va'si) (𑖻)

Hỏa Thiên (Agni) (𑖼)

Đa Văn (Vai'sravaṇa) (𑖽)

5 cõi Trời ở phương Bắc (từ trên xuống dưới)

Kim Cương Diện (Vajra-mukha) (𑖾)

Diêm Ma (Yama) (𑖿)

Điều Phục (Vajra-jaya) (𑖿)

Tỳ Na Dạ Ca (Vinàyaka) (𑖿)

Thủy Thiên (Varuṇa) (𑖿)

1_ Đại Nhật Như Lai (Vairocana):

Chữ chủng tử là: VAM (𑖿)

Tôn Hình: Thân an đặt ở chày Tam Cổ, còn lại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

ॐ सुक्ष्म वज्रज्ञान समया हूं

OM SÙKṢMA-VAJRA -JÑÀNA-SAMAYA HÙM

2_ Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát (Vajra- Pàramità-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: HÙM (ॐ)

Tôn Hình: Thân ở trong chày Tam Cổ, tay trái cầm hoa sen bên trên có chày Ngũ Cổ, tay phải tác Xúc Địa Ấn.



Chân Ngôn là:

सर्ववज्र सुक्ष्मज्ञान समया हूं

SATVA-VAJRÌ SÙKṢMA- JÑÀNA-SAMAYA HÙM

3_ Bảo Ba La Mật Bồ Tát (Ratna- Pàramità-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: TRÀH (३)

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có Tam Biện Bảo Châu, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn.



Chân Ngôn là:

ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० १ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९ ॰

RATNA-VAJRÌ SÙKṢMA- JÑÀNA-SAMAYA TRÀḤ

4_ Pháp Ba La Mật Bồ Tát (Dharma- Pàramità-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: HRÌḤ (ॡ)

Tôn Hình: Tay kết Di Đà Định Ấn, bên trên có chày Độc Cổ.



Chân Ngôn là:

ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० १ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९ ॰

DHARMA-VAJRÌ SÙKṢMA- JÑÀNA-SAMAYA HRÌḤ

5_ Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát (Karma_ Pàramità-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: AḤ (ॠ).

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có chày Độc Cổ Yết Ma, tay phải trì Kiếm Ấn.



Chân Ngôn là:

ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० १ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९ ॰

KARMA-VAJRÌ SÙKṢMA- JÑÀNA-SAMAYA AḤ

6_ A Súc Như Lai (Akṣobhya):

Chữ chủng tử là: HÙM (ॡ)

Tôn Hình: Tay trái hướng tâm lòng bàn tay lên trên, tay phải kết Xúc Địa Ấn.



Chân Ngôn là:

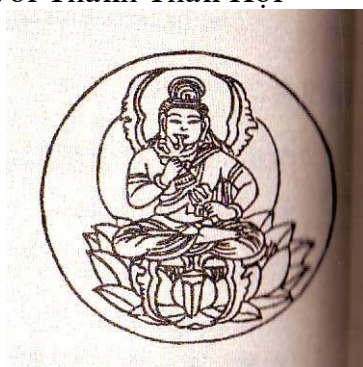
ॐ वज्रसत्त्व सुक्ष्मं न समय हं

OM VAJRA-SATVA SÙKṢMA- JÑÀNA-SAMAYA HÙM

7_Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva):

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

वज्र अत्मक

VAJRA- ÀTMAKA

8_Kim Cương Vương (Vajra-ràja):

Chữ chủng tử là: JAḤ (𑖧)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ह्रं वज्रवृ

HRDA VAJRA-AMKU'SA

9_ Kim Cương Ái (Vajra-ràga):

Chữ chủng tử là: HOḤ (ॐ)

Tôn Hình: Tay cầm cung tên, tựa thế bắn tên



Chân Ngôn là:

ॐ ཨུ རྟམ་བུ་ཤམ་པའི་མུ་ཏེ་མ་

TIṢṬA RÀGA-VAJRA PRAVE'SA HṚDAYAM

10_ Kim Cương Hỷ (Vajra-sàdhu):

Chữ chủng tử là: SAḤ (ॐ).

Tôn Hình: Tượng tự Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ ཨོ རྟམ་བུ་ ཏུཌི

AHO VAJRA TUṢṬI

11_ Bảo Sinh Như Lai (Ratna-saṃbhava):

Chữ chủng tử là: TRÀḤ (ॐ)

Tôn Hình: Tượng tự Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्ररत्न सूक्ष्मज्ञानसमया ह्रूं

OM VAJRA-RATNA SŪKṢMA-JÑĀNA-SAMAYA HŪM

12_ Kim Cương Bảo (Vajra-ratna):

Chữ chủng tử là: OM (ॐ)

Tôn Hình: Tay trái kết Dữ Nguyệt Ấn bên trên có Tam Biện Bảo Châu rực lửa sáng.



Chân Ngôn là:

वज्ररत्न आत्मका हृदये

VAJRA-RATNA ĀTMAKA HRDAYA

13_ Kim Cương Quang (Vajra-Teja):

Chữ chủng tử là: AM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay để trước ngực nâng vành mặt trời



Chân Ngôn là:

वज्रसूर्य (ॐ)

VAJRA-SŪRYA TIṢṬA

14_ Kim Cương Tràng (Vajra-ketu):

Chữ chủng tử là: TRAM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm cây phượng bâu Như Ý



Chân Ngôn là:

वज्रध्वजग्र वं

VAJRA-DHVAJA-AGRA VAM

15_ Kim Cương Tiểu (Vajra-hà sa):

Chữ chủng tử là: HA (ॠ)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội, hai quyền để bên miệng.



Chân Ngôn là:

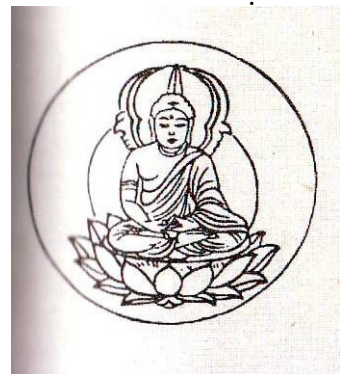
हृदय वज्रकर्म

HRDAYA VAJRA-HÀSA

16_ Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitàyus):

Chữ chủng tử là: HRÌḤ (ॡ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रधर्म सुक्श्मज्ञानसमय ह्रुं
OM VAJRA-DHARMA SŪKṢMA-JÑĀNA-SAMAYA HŪM

17_ Kim Cương Pháp (Vajra-dharma):

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (ॡ)

Tôn Hình: Tay trái để trên đầu gối giữa lòng bàn tay, tay phải kết Thuyết Pháp Ấn.



Chân Ngôn là:

वज्रपद्म आत्मका
VAJRA-PADMA-ĀTMAKA

18_ Kim Cương Lợi (Vajra-tiṣṇa):

Chữ chủng tử là: DHAM (ॢ)

Tôn Hình: Tay trái nắm Kim Cương Quyền để ở eo, tay phải cầm cây kiếm.



Chân Ngôn là:

ह्रदा वज्रकोसा
HRDA VAJRA-KO'SA

19_ Kim Cương Nhân (Vajra-hetu):

Chữ chủng tử là: MAM (ॣ)

Tôn Hình: Hai tay cầm bánh xe Pháp



Chân Ngôn là:

ॐ བྷ འཇམ་རྩམ་ རྩམ་པ་པའི་

TIṢṬA VAJRA-CAKRA HRDAYAM PRAVE'SA

20_ Kim Cương Ngũ (Vajra-bhàsa):

Chữ chủng tử là: RAM (ॠ)

Tôn Hình: Tay trái nắm Kim Cương Quyền để ở eo, Tay phải kết Thí Vô Úy
Ấn.



Chân Ngôn là:

ॠ འཇམ་རྩམ་ རྩམ་པ་པའི་

VAJRA-JÌHVA AGRA HRDAYA

21_ Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amogha-siddhi):

Chữ chủng tử là: AH (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

ॐ འཇམ་རྩམ་ རྩམ་པ་པའི་ རྩམ་པ་པའི་

OM VAJRA-KARMA SÙKṢMA-JÑĀNA-SAMAYA HÙM

22_ Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma):

Chữ chủng tử là: KAM (𑖕)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

𑖕𑖔 𑖔𑖕 𑖕𑖔𑖕

SARVA VAJRA ĀTMAKA

23_ Kim Cương Hộ (Vajra-rakṣa):

Chữ chủng tử là: HAM (𑖕)

Tôn Hình: Tay trái nắm Kim Cương Quyền duỗi ngón trỏ, tay phải cầm cây kiếm.



Chân Ngôn là:

𑖕𑖔 𑖔𑖕 𑖕𑖔𑖕

HRDA VAJRA-KAVACA

24_ Kim Cương Dược Xoa (Vajra-yakṣa):

Chữ chủng tử là: HÙM (𑖕)

Tôn Hình: Hai tay tác Kim Cương Quyền, hướng tâm quyền vào bên trong, tay trái duỗi ngón cái, ngón út như hình răng nanh. Tay phải ngón cái, ngón trỏ cùng vịn nhau.



Chân Ngôn là:

ॐ वृ वज्रयक्ष हृदय

TIṢṬA VAJRA-YAKṢA HRDAYA

25_ Kim Cương Quyền (Vajra-saṃdhi):

Chữ chủng tử là: VAM (वं)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

वज्रमुष्ठी हृदय

VAJRA-MUṢṬI HRDAYA

26_ Kim Cương Hý (Vajra-làsi):

Chữ chủng tử là: HOḤ (हः)

Tôn Hình: Tay trái tác Kim Cương Quyền úp ở cạnh eo, tay phải tác Kim Cương Quyền ngửa lên để cạnh eo



Chân Ngôn là:

वज्रलामी सुक्ष्मं न समय हः

VAJRA-LÀSÌ SÙKṢMA- JÑÀNA-SAMAYA HOḤ

27_ Kim Cương Man (Vajra-màlà):

Chữ chủng tử là: TRṬ (𑖦)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

𑖠𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺

VAJRA-MÀLE SÙKṢMA- JÑÀNA-SAMAYA TRṬ

28_ Kim Cương Ca (Vajra-gità):

Chữ chủng tử là: GI (𑖩)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

𑖠𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻

VAJRA-GÌTE SÙKṢMA- JÑÀNA-SAMAYA GI

29_ Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtye):

Chữ chủng tử là: KRṬ (𑖫).

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội, làm dạng nhảy múa.



Chân Ngôn là:

वज्रवृत्त सुक्ष्मज्ञानसमयः

VAJRA-NR̥TYE SÙKṢMA-JÑÀNA-SAMAYA KṚT̥

30_ Kim Cương Phần Hương (Vajra-dhùpa):

Chữ chủng tử là: AH (ॐ)

Tôn Hình: Cầm lò hương của hình hoa sen



Chân Ngôn là:

वज्रधूप सुक्ष्मज्ञानसमयः

VAJRA-DHÙPE SÙKṢMA-JÑÀNA-SAMAYA AH

31_ Kim Cương Hoa (Vajra-puṣpa):

Chữ chủng tử là: OM (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

वज्रपुष्प सुक्ष्मज्ञानसमयं उं

VAJRA-PUṢPE SÙKṢMA-JÑÀNA-SAMAYA OM

32_ Kim Cương Đẳng (Vajra-Àloka):

Chữ chủng tử là: DÌH (𑖇𑖅)

Tôn Hình: Hai tay cầm cái đài nển, qùy gối ngồi.



Chân Ngôn là:

वज्रालोके सुक्ष्मज्ञानसमयं 𑖇𑖅

VAJRA-ÀLOKE SÙKṢMA-JÑÀNA-SAMAYA DÌH

33_ Kim Cương Đồ Hương (Vajra-gandha):

Chữ chủng tử là: GAH (𑖇𑖃)

Tôn Hình: Tay phải để ngang ngực, tay trái cầm vật đựng hương.



Chân Ngôn là:

वज्रगन्धे सुक्ष्मज्ञानसमयं 𑖇𑖃

VAJRA-GANDHE SÙKṢMA-JÑÀNA-SAMAYA GAH

34_ Trừ Ưu Âm Bồ Tát (‘Sokatamo-nirghatana):

Chữ chủng tử là: AM (𑖇𑖂)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, quyền trái để ngang eo, tay phải cầm cành cây.



Chân Ngôn là:

ॐ स्र्वं शकतम निरघात मतये स्वहां अम्
OM _ SARVA 'SOKATAMO NIRGHÀTA MATAYE SVÀHÀ _ AM

35_ Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva-nivaraṇa-viṣkambhin):

{Bản khác ghi là Diệt Ác Thú Bồ Tát (Sarva-apàya-jaha)}

Chữ chủng tử là: SA (𑖰)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái ngửa lòng bàn tay ở rốn, tay phải cầm hoa sen bên trên có rương Kinh Phạn (Phạn Khiếp)



Chân Ngôn là:

ॐ स्र्वं अपया जाहाय स्वहां सा
OM _ SARVA APÀYA JAHÀYA SVÀHÀ _ SA

36_ Kim Cương Câu (Vajra-aṃku'sa):

Chữ chủng tử là: JAH (𑖞)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội, tay trái để ở eo, nắm quyền duỗi ngón trở.



Chân Ngôn là:

वज्रकुम्भसुक्ष्मज्ञानसमया

VAJRA-AMKU'SA SUXMA-JNANA-SAMAYA JAH

37_ Bát Không Kiến Bồ Tát (Amogha-dar'sin):

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái ngửa lòng bàn tay ở rốn, tay phải cầm đài sen bên trên có chày Độc Cổ, hai bên eo chày có con mắt.



Chân Ngôn là:

ॐ अमोघदरसाय स्वहा

OM _ AMOGHA DAR'SANAYA SVAHA _ A

38_ Di Lạc Bồ Tát (Maitreya):

Chữ chủng tử là: MAI (𑖓)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái ngửa trước rốn cầm bình Quân Trì, tay phải đè nắp bình.



Chân Ngôn là:

ॐ मीराय स्वहा

OM _ MAITREYAYA SVAHA _ MAI

39_ Trí Tràng Bồ Tát (Jñana-ketu):

Chữ chủng tử là: TRAM (𑖔)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm phan phương Như Ý, tay trái để ngang eo nắm quyền.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ न क तु वे स्व ष ह ॐ
OM_ JÑÀNA KETUVE SVÀHÀ _ TRAM

40_ Kim Cương Tràng Bồ Tát (Vajra-ketu):

[Bản khác ghi là Hư Không Tạng Bồ Tát (Gagana-gaṅja: Hư Không Khố)]

Chữ chủng tử là: HÙM (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, lòng bàn tay phải cầm viên ngọc báu Như Ý, tay trái để ngang eo nắm quyền.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ न क तु वे स्व ष ह ॐ
OM_ GAGANA GAÑJÀYA SVÀHÀ _ HÙM

41_ Kim Cương Sách (Vajra-pà'sa):

Chữ chủng tử là: HÙM (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

वज्रपाणि सुक्ष्मज्ञ समया हूं

VAJRA-PÀ'SA SÙKṢMA-JÑANA-SAMAYA HÙM

42_ Đại Tinh Tiến Bồ Tát ('Sùra hay 'Sùramgama):

Chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm cây kích Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ सुरया स्वहा ॐ

OM _ 'SÙRÀYA SVÀHÀ _ VI

43_ Hương Tượng Bồ Tát (Gandha-hàstin):

Chữ chủng tử là: HÙM (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen, bên trên sen có một cái bát. Tay phải để cạnh eo tác quyền.



Chân Ngôn là:

ॐ गन्ध हस्तिनि स्वहा हूं
OM _ GANDHA HÀSTINI SVÀHÀ _ HÙM

44_ Vô Lượng Quang Bồ Tát (Amita-prabha):

Chữ chủng tử là: HÙM (हूं)

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay phải cầm hoa sen, trên sen có ánh sáng. Tay trái úp lòng bàn tay để cạnh eo.



Chân Ngôn là:

ॐ अमिग प्रद्य हूं
OM _ AMITA-PRABHA SVÀHÀ _ HÙM

45_ Hiền Hộ Bồ Tát (Bhadra-pàla):

Chữ chủng tử là: PRA (प्र)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải ngửa lòng bàn tay nằm ngang, bên trên để cái Hiền Bình. Tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:

ॐ ब्रह्मवर्चस्य हूं प्र
OM _ BHADRA-PÀLAYA SVÀHÀ _ PRA

46_ Kim Cương Tỏa (Vajra-sphota):

Chữ chủng tử là: VAM (वं)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

वज्रस्फोटा सूक्ष्मज्ञानसमया वं

VAJRA-SPHOṬA SÙKṢMA-JÑANA-SAMAYA VAṂ

47_ Vãng Minh Bồ Tát (Jàlini-prabha):

[Bản khác ghi là Quang Vãng Bồ Tát]

Chữ chủng tử là: JAḤ (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm lưới vãng, tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM _ JÀLINÌ PRABHÀYA SVÀHÀ _ JAḤ

48_ Nguyệt Quang Bồ Tát (Candra-prabha):

Chữ chủng tử là: BHA (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm giữ vành trăng, tay trái nắm quyền để cạnh eo.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र प्रभया स्वहां बहा
OM _ CANDRA-PRABHAYA SVAHÀ _ BHA

49_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Vajra-garbha):

Chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu. tay trái úp lòng bàn tay xuống.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र गारभया स्वहां वि
OM _ VAJRA-GARBHAYA SVAHÀ _ VI

50_ Văn Thù (Mañju'sri) :

[Bản khác ghi là Vô Tận Ý Bồ Tát (Akṣaya-mati)]

Chữ chủng tử là: JÑA (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen, trên sen có rương Kinh Phạn. Tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:

ॐ मञ्जु मयया स्वहां ज्ञा
OM _ AKṢAYA-MATÀYE SVAHÀ _ JÑA

51_ Kim Cương Linh (Vajra-ave'sa):

Chữ chủng tử là: HOH (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

वज्रं सुक्खं व समयः

VAJRA-GHAMṬA SÙKṢMA-JÑANA-SAMAYA HOḤ

52_ Trí Tích Bồ Tát (Pratibhàna-kuta)

{Bản khác ghi là Văn Thù Bồ Tát (Mañju'srì) hay Biện Tích Bồ Tát}

Chữ chủng tử là: VA (𑖦)

Tôn Hình: Thân màu xanh lợt, tay phải cầm hoa sen, trên sen có đám mây. Tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रं सुक्खं व

OM _ PRATIBHÀNA-KUṬÀYA SVÀHÀ _ VA

53_ Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra):

Chữ chủng tử là: AH (𑖦)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền để ngang eo. tay phải cầm cây kiếm.



Chân Ngôn là:

ॐ समन्तभद्राय स्वाहा ॥
OM _ SAMANTA-BHADRA YA SVÀHÀ _ AH

5 cõi Trời ở Phương Đông (từ trái qua phải)

54_ Đế Thích Thiên ('Sakra):

Chữ chủng tử là: DHA (॑)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रयुधस्य द
OM _ VAJRA-YUDHA SVÀHÀ _ DHA

55_ Phạm Thiên (Brahma):

Chữ chủng tử là: MAI (॑)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमयस्य म
OM _ VAJRA-MAUNA SVÀHÀ _ MAI

56_ Kim Cương Tội Thiên (Vajra-vikiraṇa):

Chữ chủng tử là: NDA (॑)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगुह्यं स्वहा ॐ
OM _ VAJRA-GŪDHA SVÀHÀ _ NḌA

57_ Câu Ma La Thiên (Kumàra):

Chữ chủng tử là: VA (ॠ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रघम्टा स्वहा वा
OM _ VAJRA-GHAMṬA SVÀHÀ _ VA

58_ Na La Diên Thiên (Nàràyaṇa):

Chữ chủng tử là: MAM (ॡ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ बलवज्रं स्वहा मं
OM _ BALA-VAJRA SVÀHÀ _ MAM

5 cõi Trời ở phương Nam (từ trên xuống dưới)

59_ Huỳnh Hoặc (Piṅgala):

Chữ chủng tử là: TRAM (ॣ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपिङ्गल स्वहा व

OM _ VAJRA-PINGALA SVÀHÀ _ TRAM

60_ Tuệ Tinh Thiên (Ketu):

Chữ chủng tử là: YA (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमुसल स्वहा य

OM _ VAJRA-MUSALA SVÀHÀ _ YA

61_ Kim Cương Thực Thiên (Vajra-bhaksam):

Chữ chủng tử là: PA (𑖣)

Tôn Hình: Tay trái cầm cây kiếm, còn lại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाला स्वहा पा
OM _ VAJRA-MÀLA SVÀHÀ _ PA

62_ Nguyệt Thiên (Candra):

Chữ chủng tử là: PRA (𑖣)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रप्रभा स्वहा प्रा
OM _ VAJRA-PRABHA SVÀHÀ _ PRA

63_ Nhật Thiên (Àditya):

Chữ chủng tử là: KU (𑖬)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुण्डलि स्वहा कु
OM _ VAJRA-KUNḌALI SVÀHÀ _ KU

5 cõi Trời ở phương Tây (từ trái qua phải)

64_ La Sát Thiên (Ràksasa):

Chữ chủng tử là: VA (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रदण्डं स्वहा व

OM _ VAJRA-DANḌA SVÀHÀ _ VA

65_ Phong Thiên (Vàyu):

Chữ chủng tử là: LA (𑖬)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रं स्वहा ल

OM _ VAJRÀNĪLA SVÀHÀ _ LA

66_ Kim Cương Y Thiên (Vajra-va'si):

Chữ chủng tử là: VA (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रं स्वहा व

OM _ VAJRA- VA'SI SVÀHÀ _ VA

67_ Hỏa Thiên (Agni):

Chữ chủng tử là: LA (𑖫)

Tôn Hình: Tay trái cầm cây gậy, tay phải cầm viên ngọc.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रल म्बल ॐ

OM _ VAJRA-ANALA SVÀHÀ _ LA

68_ Đa Văn (Vai'sravaṇa):

Chữ chủng tử là: VAI (𑖫)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रवै म्बल ॐ

OM _ VAJRA- BHAIRAVA SVÀHÀ _ VAI

5 cõi Trời ở phương Bắc (từ trên xuống dưới)

69_ Kim Cương Diện Thiên (Vajra-mukha):

Chữ chủng tử là: 'SA (𑖫)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुं स्रं रि

OM _ VAJRÀMKU'SA SVÀHÀ _ 'SA

70_ Diễm Ma Thiên (Yama):

Chữ chủng tử là: LA (𑖫)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकलं स्रं ल

OM _ VAJRA- KÀLA SVÀHÀ _ LA

71_ Điều Phục Thiên (Vajra-jaya):

Chữ chủng tử là: JA (𑖫)

Tôn Hình: Tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ở eo.



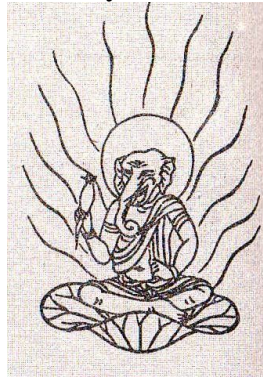
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रजय स्वहा ज
OM _ VAJRA- JAYA SVÀHÀ _ JA

72_ Tỳ Na Dạ Ca (Vinàyaka):

Chữ chủng tử là: KA (𑖕)

Tôn Hình: Tay phải cầm rễ củ cải, tay trái cầm viên Hoan Hỷ.



Chân Ngôn là:

ॐ 𑖕 𑖔 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕
OM _ HRÌḤ GAḤ HÙḤ SVÀHÀ _ KA

73_ Thủy Thiên (Varuṇa):

Chữ chủng tử là: NA (𑖎)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ 𑖎 𑖔 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕
OM _ NÀGA-VAJRA SVÀHÀ _ NA

18/06/2009